

# メーカー設定マニュアル

## *Sách hướng dẫn cài đặt ứng dụng hộp thư*

Updated on December, 2022

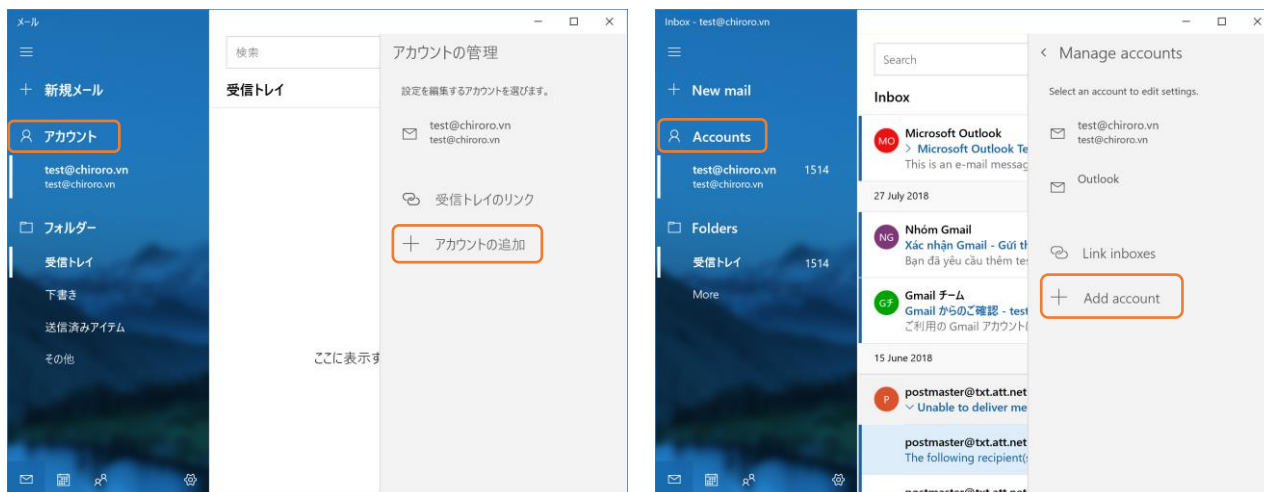
●Windows - Mail App	... 2 ページ / trang
●Windows - Outlook	... 5 ページ / trang
●Windows - Thunderbird	... 13 ページ / trang
●Mac - Mail App	... 17 ページ / trang
●Mac - Outlook for mac	... 19 ページ / trang
●iPhone - Mail	... 21 ページ / trang
●Gmail	... 25 ページ / trang



# Windows – Mail App

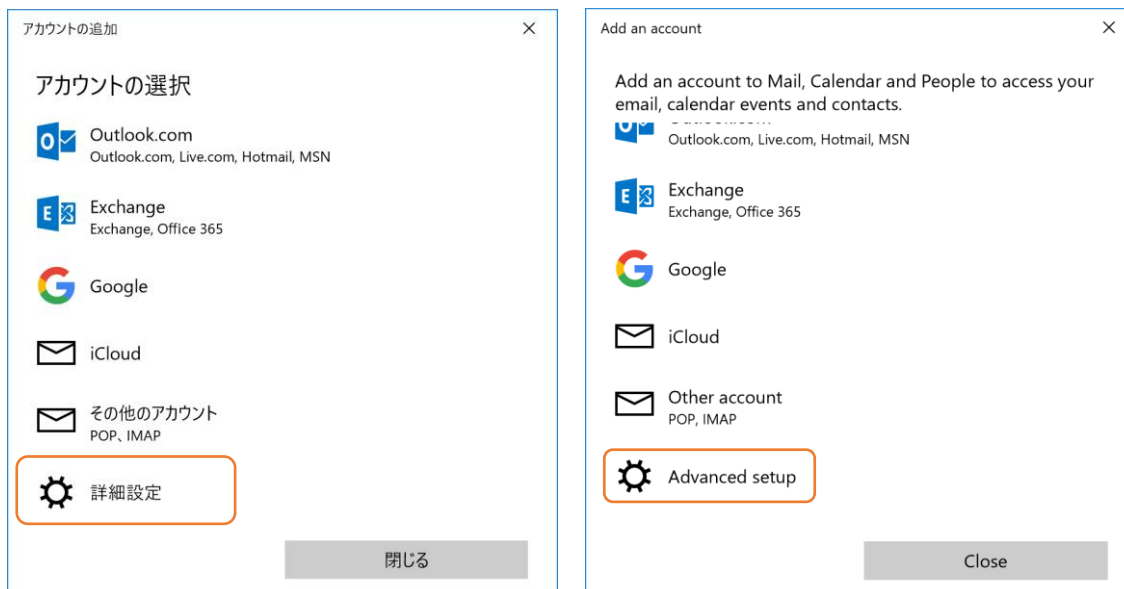
1. 「アカウント」から「アカウントの追加」をクリックします。

1. Chọn mục "Account" sau đó chọn "Add account".



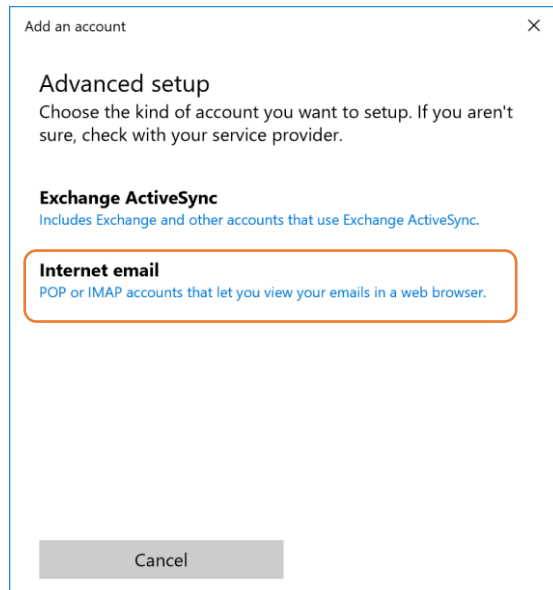
2. 「詳細設定」をクリックします。

2. Chọn "Advanced setup".



3. 「インターネットメール」をクリックします。

3. Chọn "Internet email".



4. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

4. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

アカウントの追加

インターネット メール アカウント **例**

メールアドレス  
test@chiroro.vn [あなたのメールアドレス]

ユーザー名  
test@chiroro.vn [あなたのメールアドレス]  
例: kevinc, kevinc@contoso.com, domain\kevinc

パスワード

アカウント名  
test@chiroro.vn [あなたのメールアドレス]  
この名前を使用してメッセージを送信  
Chiroro Test [お名前]

受信メール サーバー  
sv00.vinahosting.com ["POPサーバー"参照]

アカウントの種類  
POP3 ["POP3"を選択]

メールの送信 (SMTP) サーバー  
sv00.vinahosting.com ["SMTPサーバー"参照]

送信サーバーには、認証が必要です

送信メールに同じユーザー名とパスワードを使用する

受信メールには SSL が必要

送信メールには SSL が必要

キャンセル サインイン

Add an account

Internet email account **Thí dụ**

Email address  
test@chiroro.vn [Địa chỉ email của bạn]

Username  
test@chiroro.vn [Địa chỉ email của bạn]  
Examples: kevinc, kevinc@contoso.com, domain\kevinc

Password

Account name  
test@chiroro.vn [Địa chỉ email của bạn]  
Send your messages using this name  
Chiroro Test [Họ tên của bạn]

Incoming email server  
sv00.vinahosting.com [Nhập tên "POP server"]

Account type  
POP3 [Chọn "POP3"]

Outgoing (SMTP) email server  
sv00.vinahosting.com [Nhập tên "SMTP server"]

Outgoing server requires authentication

Use the same username and password for sending emails

Require SSL for incoming emails

Require SSL for outgoing emails

Cancel Sign in

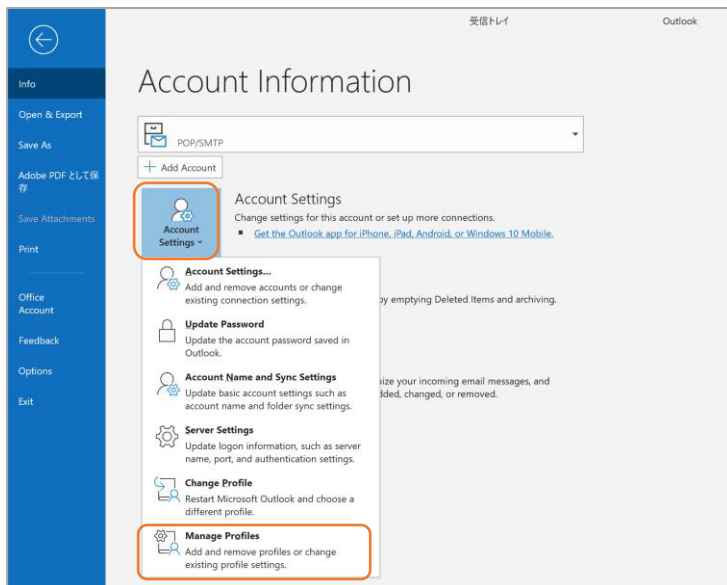
5. 「サインイン」をクリックします。

5. Chọn "Sign in".

# Windows – Outlook Office 365 / Outlook 2016

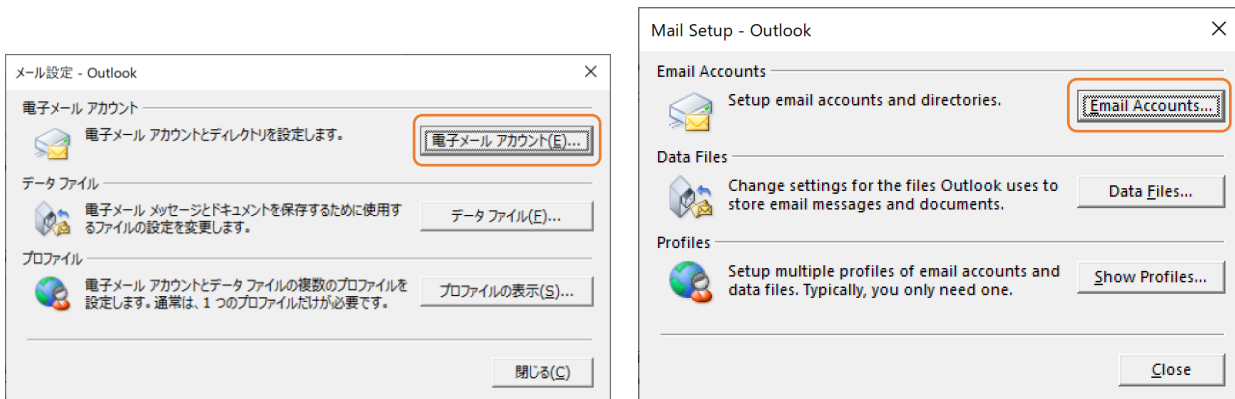
1. 「ファイル」から「アカウントの設定 – プロファイルの管理」をクリックします。

1. Chọn mục “File” sau đó chọn “Account Settings – Manage Profiles”.



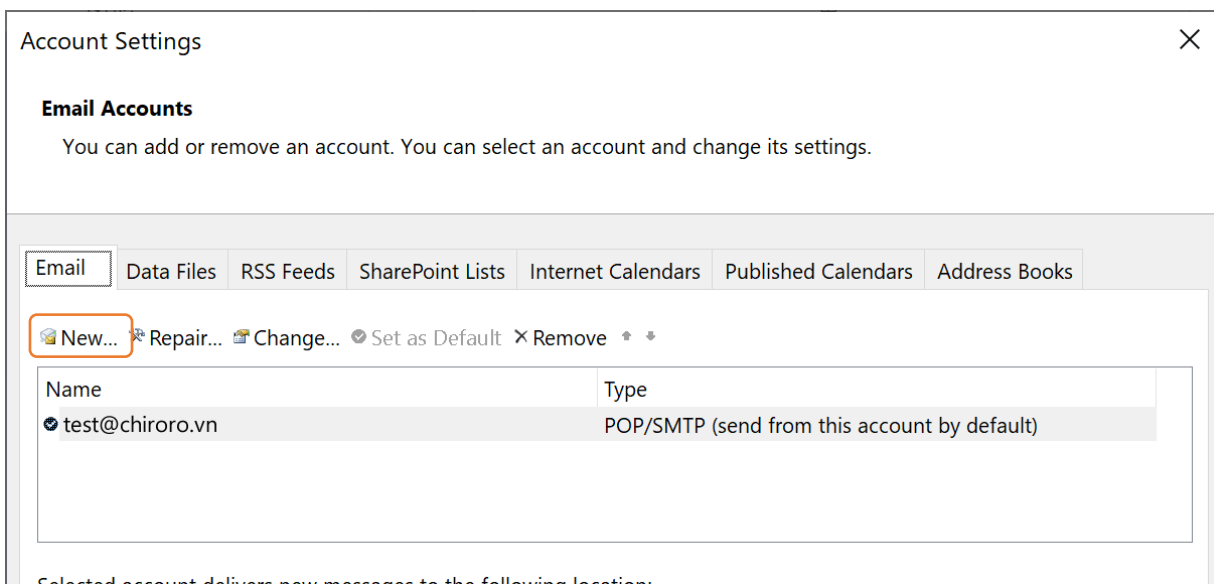
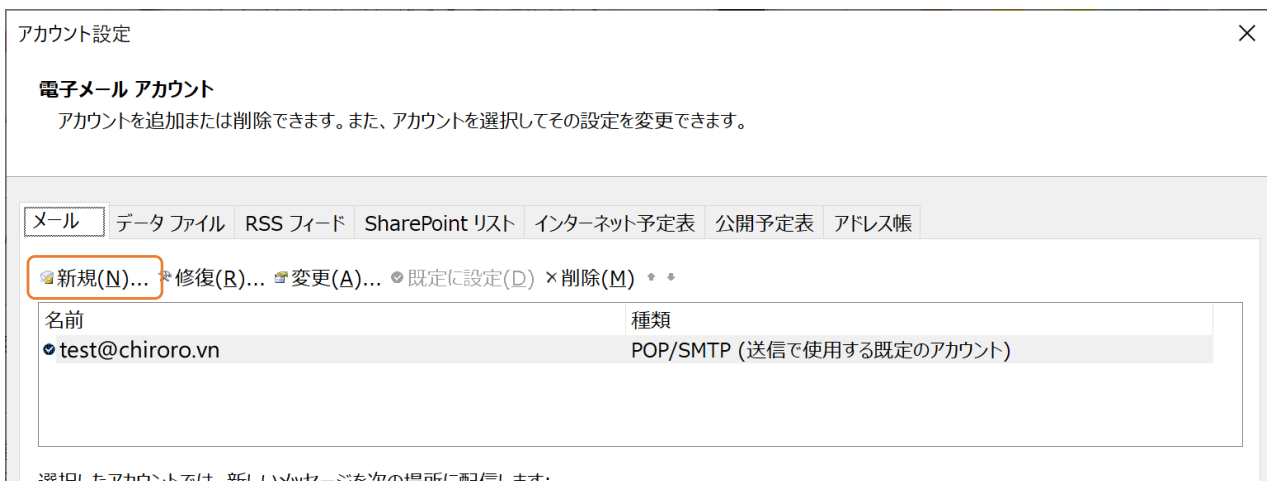
2. 「電子メールアカウント...」をクリックします。

2. Chọn "Email Accounts..."



3. 「新規」をクリックします。

3. Chọn "New".



4. 「自分で電子メールやその他のサービスを使うために設定する（手動設定）」を選択し、「次へ」をクリックします。

4. Chọn "Manual setup or additional server type", và nhấp vào "Next".

アカウントの追加

自動アカウント セットアップ  
アカウントを手動で設定するか、または他の種類のサーバーに接続します。

電子メール アカウント(A)

名前(Y):   
例: Daiki Matsumoto

電子メール アドレス(E):   
例: daiki@contoso.com

パスワード(P):

パスワードの確認入力(I):   
インターネット サービス プロバイダーから提供されたパスワードを入力してください。

自分で電子メールやその他のサービスを使うための設定をする (手動設定)(M)

< 戻る(B) **次へ(N) >** キャンセル ヘルプ

Add Account

Auto Account Setup  
Manual setup of an account or connect to other server types.

Email Account

Your Name:   
Example: Ellen Adams

Email Address:   
Example: ellen@contoso.com

Password:

Retype Password:   
Type the password your Internet service provider has given you.

Manual setup or additional server type

< Back **Next >** Cancel Help

5. 「POP または IMAP」 を選択し、「次へ」をクリックします。  
5. Chọn "POP or IMAP", và nhấp vào "Next".

アカウントの追加

アカウント タイプの選択

Office 365  
Office 365 アカウントの自動セットアップ

メール アドレス(E):   
例: daiki@contoso.com

POP または IMAP(P)  
POP または IMAP 電子メール アカウントの詳細設定

Exchange ActiveSync(A)  
Exchange ActiveSync を使用するサービスの詳細設定

< 戻る(B)   **次へ(N) >**   キャンセル   ヘルプ

Add Account

Choose Your Account Type

Office 365  
Automatic setup for Office 365 accounts

Email Address:   
Example: ellen@contoso.com

POP or IMAP  
Advanced setup for POP or IMAP email accounts

Exchange ActiveSyn  
Advanced setup for services that use Exchange ActiveSync

< Back   **Next >**   Cancel   Help



7. 以下の通りメール設定情報を入力してください。その後、「詳細設定」をクリックします。  
 7. Nhập thông tin cài đặt email, sau đó nhấp vào "More Settings...".

貴社の管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「サーバー名」をお聞きください。  
 Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.  
 POP3 を使用するか、IMAP を使用するかは、貴社の管理者にお尋ねください。  
 Vui lòng hỏi quản trị viên công ty của bạn xem nên sử dụng POP3 hay IMAP.

名前/Your name	[例/ ví dụ] Taro Yamada
電子メールアドレス/Email Address	[例/ ví dụ] test@chiroro.vn
アカウントの種類/Account Type	POP3/IMAP
受信メールサーバー/Incoming mail server	sv00.vinahosting.com
送信メールサーバー(SMTP)/Outgoing mail server(SMTP)	sv00.vinahosting.com
アカウント名/User Name	[例/ ví dụ] test@chiroro.vn
パスワード/Password	[例/ ví dụ] *****
メールサーバーがセキュリティで保護されたパスワード認証 (SPA)に対応している場合は、チェックボックスをオンにしてください/Require login using Secure Password Authentication	OFF

アカウントの追加 ×

**POP と IMAP のアカウント設定** 例 🔍

お使いのアカウントのメール サーバーの設定を入力してください。

**ユーザー情報**

名前 (Y):

電子メール アドレス (E):

**サーバー情報**

アカウントの種類 (A): POP3 ["POP3"を選択]

受信メール サーバー (I):

送信メール サーバー (SMTP) (O):

**メール サーバーへのログイン情報**

アカウント名 (U):

パスワード (P):

パスワードを保存する (R)

メール サーバーがセキュリティで保護されたパスワード認証 (SPA) に対応している場合には、チェック ボックスをオンにしてください (Q)

**アカウント設定のテスト**

アカウントをテストして、入力内容が正しいかどうかを確認することをお勧めします。

[次へ] をクリックしたらアカウント設定を自動的にテストする

**新しいメッセージの配信先:**

新しい Outlook データ ファイル (W)

既存の Outlook データ ファイル (X)

👉 詳細設定 (M)...

Add Account X

**POP and IMAP Account Settings** Thí dụ \*

Enter the mail server settings for your account.

---

**User Information**

Your Name:

Email Address:

**Server Information**

Account Type: POP3 [Chọn "POP3"]

Incoming mail server:

Outgoing mail server (SMTP):

**Logon Information**

User Name:

Password:

Remember password

Require logon using Secure Password Authentication

**Test Account Settings**

We recommend that you test your account to ensure that the entries are correct.

Automatically test account settings when Next is clicked

**Deliver new messages to:**

New Outlook Data File

Existing Outlook Data File

More Settings ...

< Back
Next >
Cancel
Help

8. 「送信サーバー」タブをクリックします。「送信サーバー (SMTP) には認証が必要」をクリックします。

8. Nhấp vào tab "Outgoing Server". Chọn "My outgoing server (SMTP) requires authentication".

インターネット電子メール設定 X

全般 送信サーバー 詳細設定

送信サーバー (SMTP) は認証が必要(O)

受信メール サーバーと同じ設定を使用する(U)

次のアカウントとパスワードでログオンする(L)

アカウント名(N):

パスワード(P):

パスワードを保存する(B)

セキュリティで保護されたパスワード認証 (SPA) に対応

メールを送信する前に受信メール サーバーにログオンする(I)

OK キャンセル

Internet Email Settings X

General Outgoing Server Advanced

My outgoing server (SMTP) requires authentication

Use same settings as my incoming mail server

Log on using

User Name:

Password:

Remember password

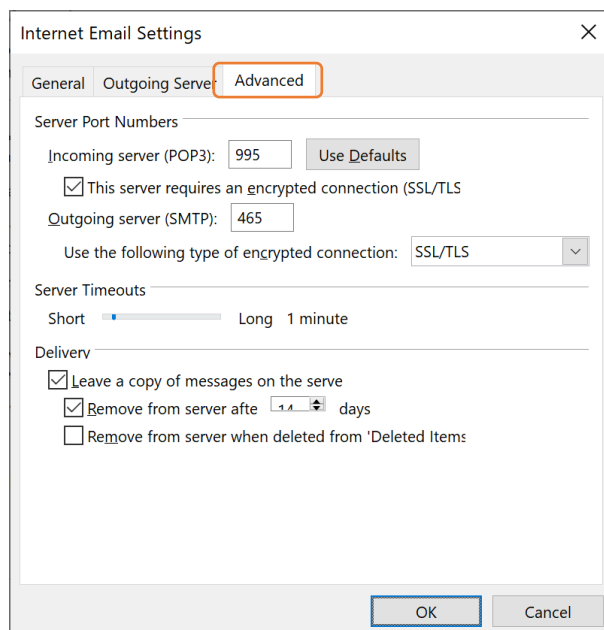
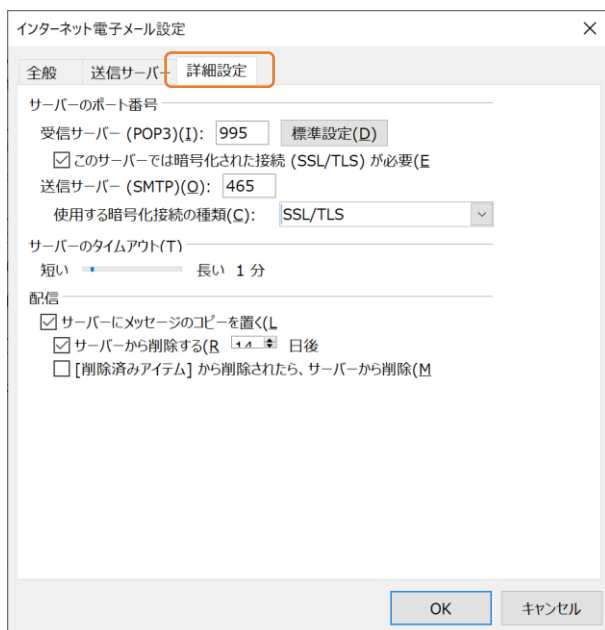
Require Secure Password Authentication

Log on to incoming mail server before sending mail

OK Cancel

9. 「詳細設定」タブをクリックします。

9. Nhấp vào tab "Advanced".



▼POP3

	Option-1 (SSL)	Option-2 (No SSL)
受信サーバー (POP3) Incoming server (POP3)	995	110
このサーバーでは暗号化された接続(SSL/TLS)が必要 This server requires an encrypted connection	ON	OFF
送信サーバー (SMTP) Outgoing server (SMTP)	465	587
使用する暗号化接続の種類 Use the following type of encrypted connection	SSL/TLS	None

▼IMAP

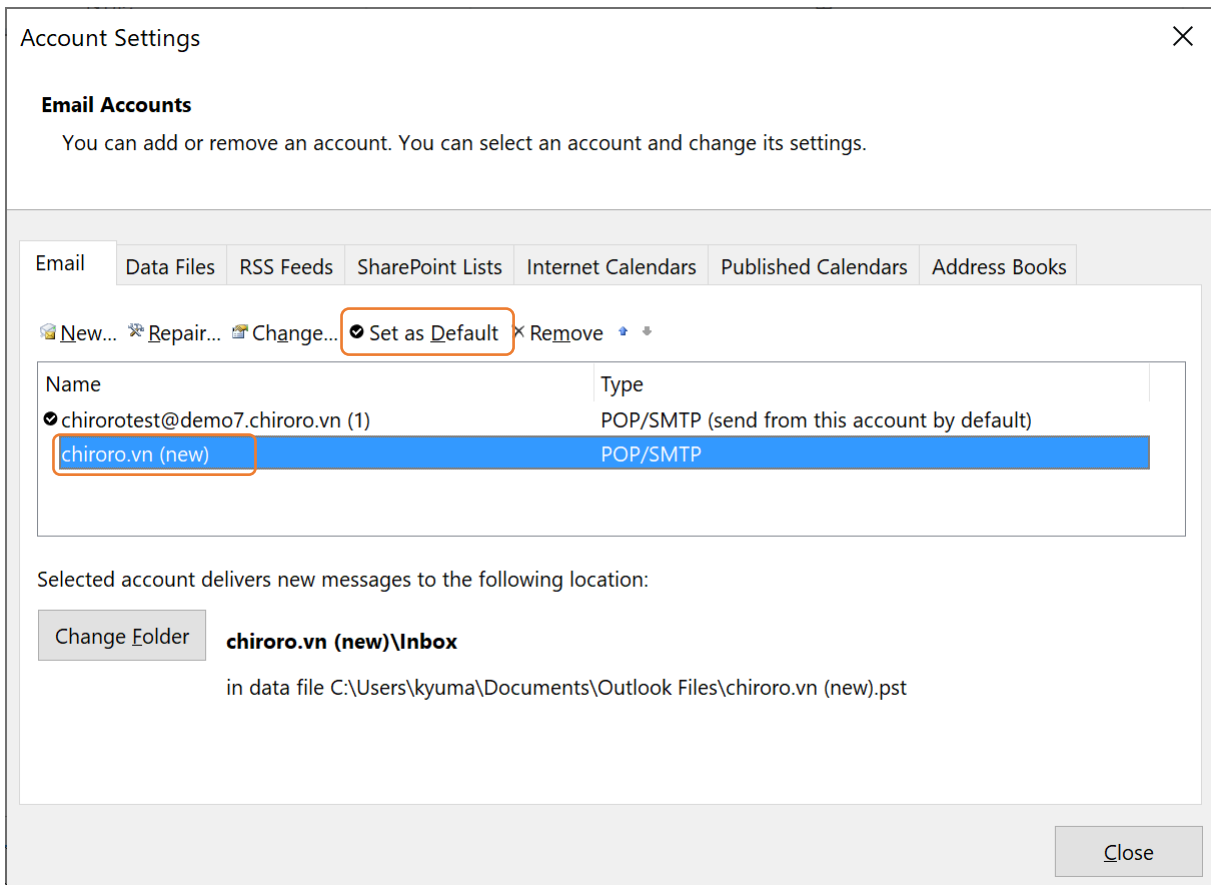
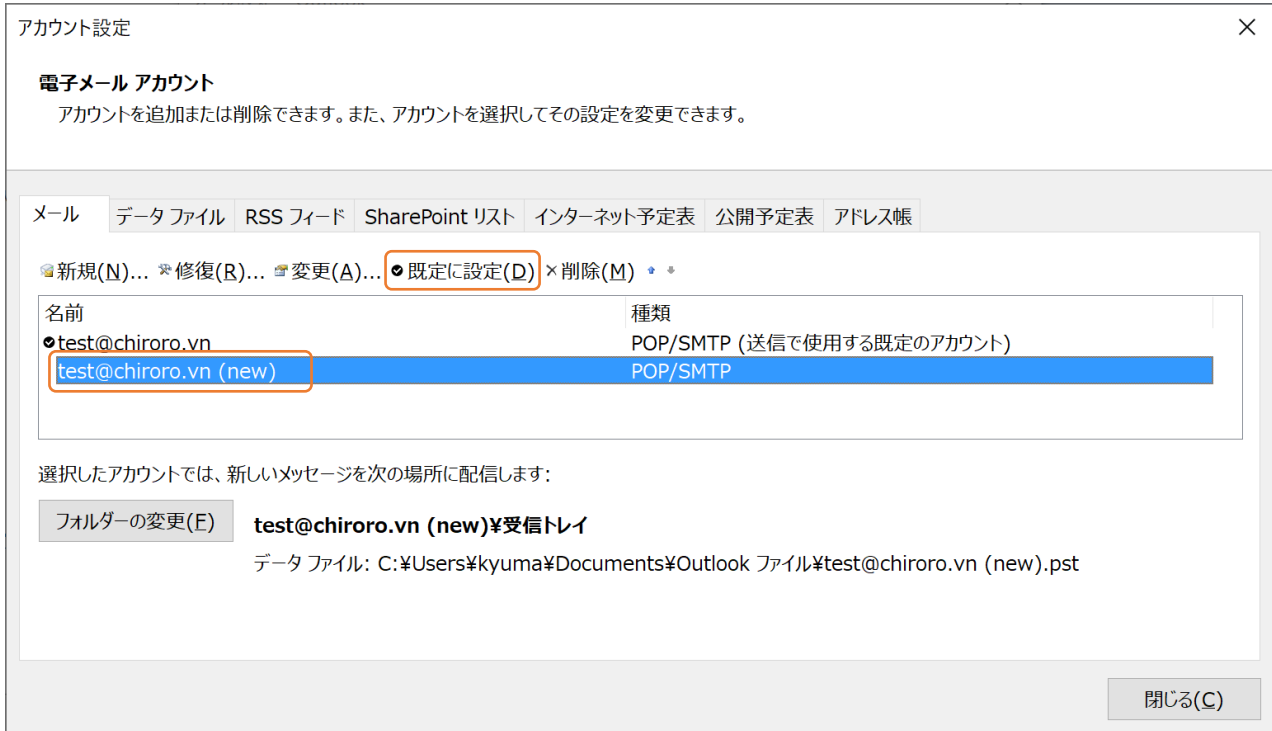
	Option-1 (SSL)	Option-2 (NO SSL)
受信サーバー (IMAP) Incoming server (IMAP)	993	143
使用する暗号化接続の種類 Use the following type of encrypted connection	SSL	None
送信サーバー (SMTP) Outgoing server (SMTP)	465	587
使用する暗号化接続の種類 Use the following type of encrypted connection	SSL/TLS	None

10. 「OK」 をクリックします。

10. Nhấp vào "OK".

11. いま追加した設定を選択し、「既定の設定」をクリックします。

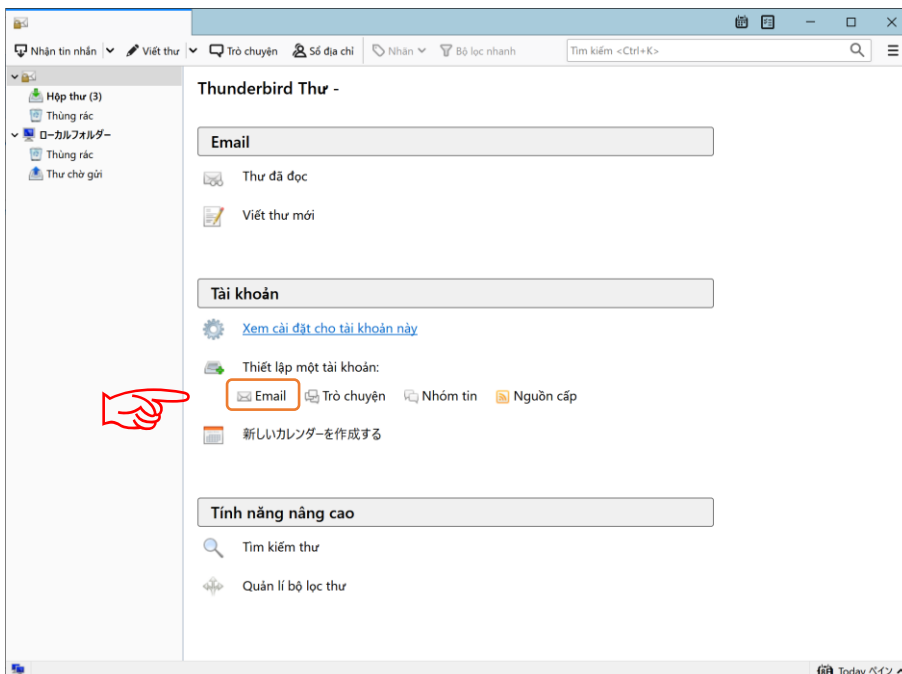
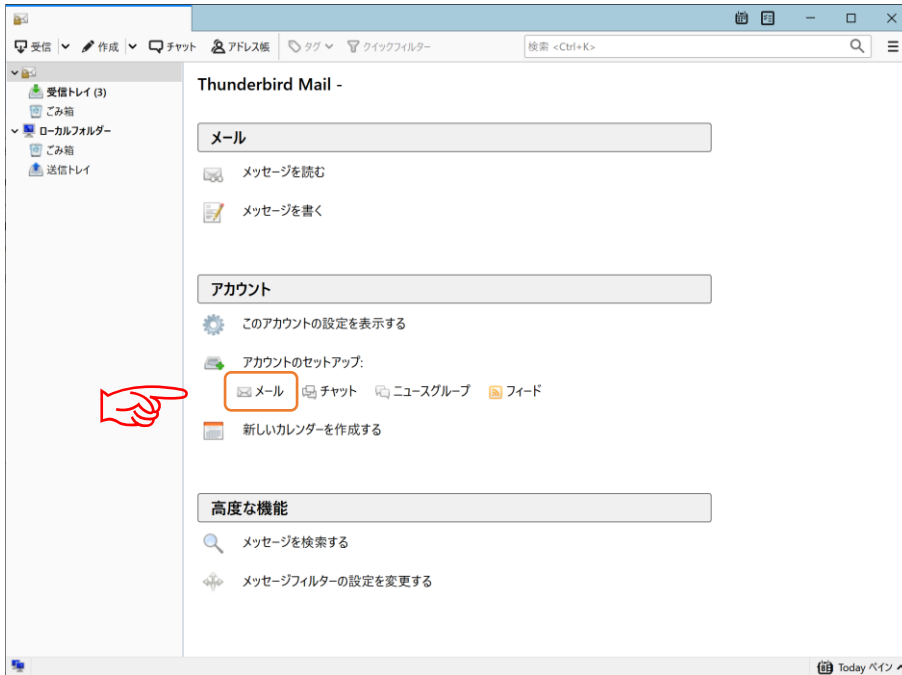
11. Chọn cài đặt bạn vừa thêm vào và nhấp vào "Set as default".



# Windows – Thunderbird

1. 「アカウントのセットアップ – メール」をクリックします。

1. Chọn “Thiết lập một tài khoản - Email”.



2. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

2. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

既存メールアカウントのセットアップ

あなたの名前(N): [お名前] ⚠ お名前を入力してください。

メールアドレス(E): [メールアドレス] 既存のメールアドレスです

パスワード(P):   パスワードを記憶する(M)

手動設定(M) 続ける(C) キャンセル(A)

Thiết lập tài khoản email hiện có

Tên của bạn: [Họ tên của bạn] ⚠ Vui lòng nhập tên của bạn.

Địa chỉ email: [Địa chỉ email của bạn] Địa chỉ thư điện tử hiện tại của bạn

Mật khẩu:   Ghi nhớ mật khẩu

Cấu hình thủ công (M) Tiếp tục Hủy bỏ (A)

3. 「手動設定」をクリックします。

3. Nhấp vào "Cấu hình thủ công".

4. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

4. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

あなたのお名前/ <i>Tên của bạn</i>	[例/ ví dụ] <i>Taro Yamada</i>
メールアドレス/ <i>Địa chỉ email</i>	[例/ ví dụ] <i>test@chiroro.vn</i>
パスワード/ <i>Mật khẩu</i>	[例/ ví dụ] <i>*****</i>
受信サーバー/ <i>Đến</i>	sv00.vinahosting.com
送信サーバー/ <i>Đi</i>	sv00.vinahosting.com
ユーザー名(受信サーバー)/ <i>Tên đăng nhập Đến:</i>	[例/ ví dụ] <i>test@chiroro.vn</i>
ユーザー名(受信サーバー)/ <i>Tên đăng nhập Đi:</i>	[例/ ví dụ] <i>test@chiroro.vn</i>

既存メールアカウントのセットアップ ✕

あなたのお名前(N):  受信者に表示される名前です

メールアドレス(E):  既存のメールアドレスです

パスワード(P):

パスワードを記憶する(M)

次のアカウント設定が、指定されたサーバーを調べることにより見つかりました。

	サーバーのホスト名	ポート番号	SSL	認証方式
受信サーバー: POP3	<input popサーバー\"参照]"="" type="text" value="[\"/>	110	STARTTLS	通常のパスワード認証
送信サーバー: SMTP	<input smtpサーバー\"参照]"="" type="text" value="[\"/>	587	STARTTLS	通常のパスワード認証

ユーザー名: 受信サーバー:       送信サーバー:

Thiết lập tài khoản email hiện có ✕

Tên của bạn:  Tên của bạn, cho người khác thấy

Địa chỉ email:  Địa chỉ thư điện tử hiện tại của bạn

Mật khẩu:

Ghi nhớ mật khẩu

Các cài đặt sau được tìm thấy bằng cách thăm dò máy chủ đã cho

	Tên máy chủ	Cổng	SSL	Xác minh
Đến: POP3	<input pop="" server\"]"="" type="text" value="[Nhập tên \"/>	110	STARTTLS	Mật khẩu bình thường
Đi: SMTP	<input server\"]"="" smtp="" type="text" value="[Nhập tên \"/>	587	STARTTLS	Mật khẩu bình thường

Tên đăng nhập: Đến:       Đi:

		ポート番号/ Cổng	SSL	認証方式/Xác minh
POP3	Option-1	110	なし	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
	Option-2	110	STARTTLS	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
	Option-3	995	SSL	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
IMAP	Option-1	143	なし	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
	Option-2	143	STARTTLS	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
	Option-3	993	SSL	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
SMTP	Option-1	587	なし	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
	Option-2	587	STARTTLS	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường
	Option-3	465	SSL	通常のパスワード認証 / Mật khẩu bình thường

5. 「完了」をクリックします。

5. nhấp vào "Xong".



## Mac - Mail App

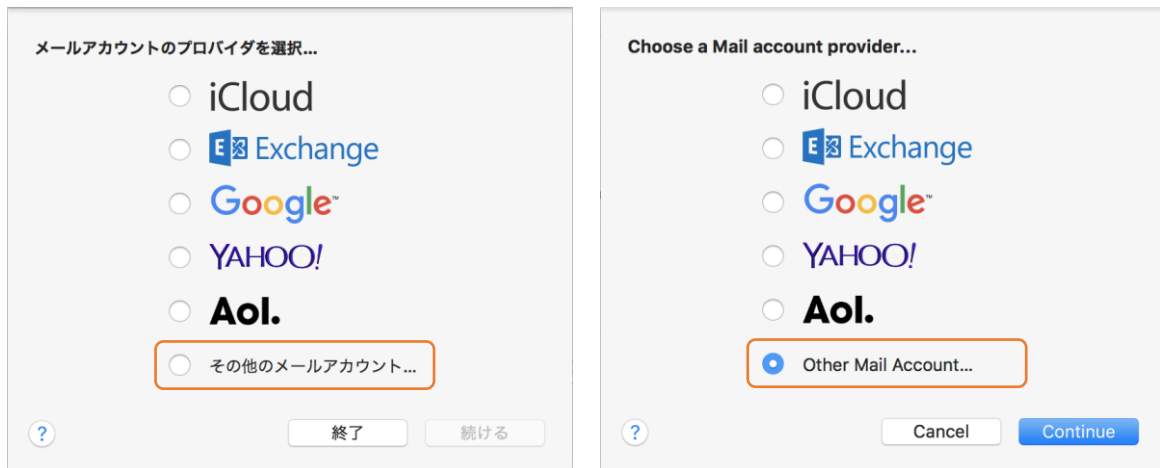
1. 「メール」から「アカウントの追加」をクリックします。

1. Chọn mục "Mail" sau đó chọn "Add account...".



2. 「その他のメールアカウント」をクリックします。

2. Chọn "Other Mail Account...".



3. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

3. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

The screenshot shows a form titled "メールアカウントを追加" (Add email account) with a red "例" (Example) button. The form contains the following fields and text:

- Initial instruction: "最初に、次の情報を入力してください:"
- Name: "名前: チロロ太郎 [お名前]"
- Email Address: "メールアドレス: test@chiroro.vn [メールアドレス]"
- Password: "パスワード:"
- Account Type: "アカウントの種類: POP" (dropdown menu)
- Incoming Mail Server: "受信用メールサーバ: sv00.vinahosting.com [”POPサーバー”参照]"
- Outgoing Mail Server: "送信用メールサーバ: sv00.vinahosting.com [”SMTPサーバー”参照]"
- Buttons: "キャンセル", "戻る", "サインイン"

The screenshot shows a form titled "Add a Mail account" with a red "Thí dụ" (Example) button. The form contains the following fields and text:

- Initial instruction: "To get started, fill out the following information:"
- Name: "Name: Con chó Chiroro [Họ tên của bạn]"
- Email Address: "Email Address: test@chiroro.vn [Địa chỉ email của bạn]"
- Password: "Password:"
- Account Type: "Account Type: POP" (dropdown menu)
- Incoming Mail Server: "Incoming Mail Server: [Nhập tên “POP server”]"
- Outgoing Mail Server: "Outgoing Mail Server: [Nhập tên “SMTP server”]"
- Buttons: "Cancel", "Back", "Sign In"

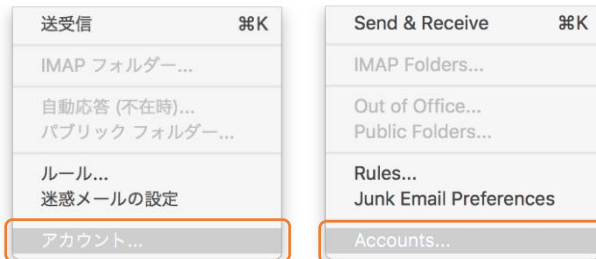
4. 「サインイン」をクリックします。

4. Chọn "Sign in".

## Mac - Outlook for mac

1. 「ツール」から「アカウント…」をクリックします。

1. Chọn mục "Tool" sau đó chọn "Account..."



2. 「アカウント」から「その他のメール…」をクリックします。

2. Chọn mục "Account" sau đó chọn "Other mail..."



3. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

3. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

アカウント情報を入力してください。 例

電子メール アドレス:  [メールアドレス]

パスワード:

自動構成

---

ユーザー名:  [メールアドレス]

種類:

受信用サーバー:  :

指定のポートを使用する  
 SSL を使用して接続する (推奨)

送信用サーバー:  :

指定のポートを使用する  
 SSL を使用して接続する (推奨)

Enter your account information. Thí dụ

E-mail address:  [Địa chỉ email của bạn]

Password:

Configure automatically

---

User name:  [Địa chỉ email của bạn]

Type:

Incoming server:  :

Override default port  
 Use SSL to connect (recommended)

Outgoing server:  :

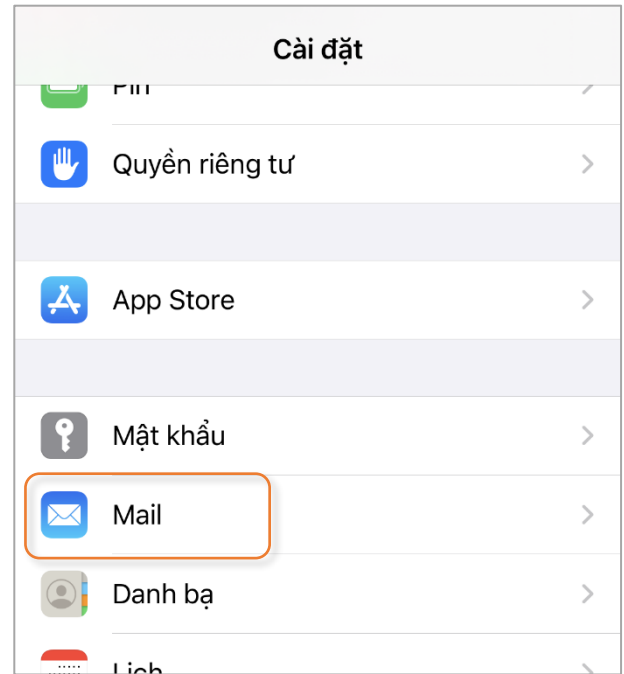
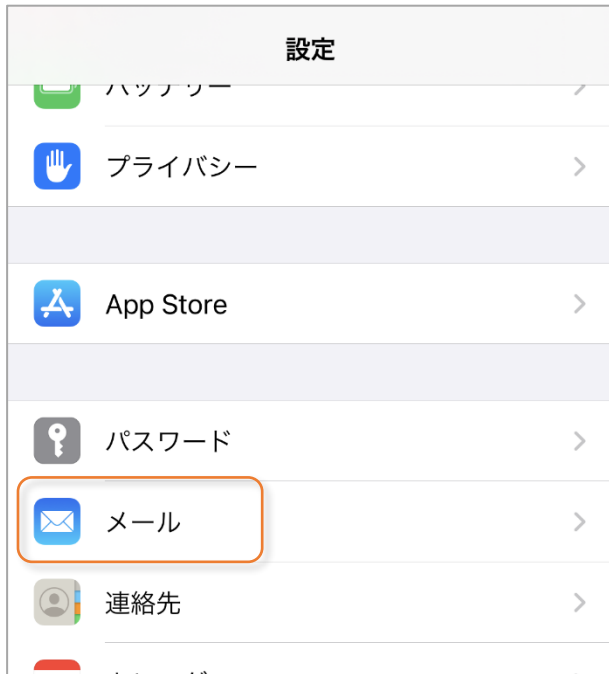
Override default port  
 Use SSL to connect (recommended)

4. 「アカウントの追加」をクリックします。

4. Chọn "Add Account".

## iPhone - Mail

1. 「設定」から「メール」をタップします。
1. Chọn mục "Cài đặt" sau đó chọn "Mail".



2. 「アカウント」をタップします。

2. Chọn “Tài khoản”



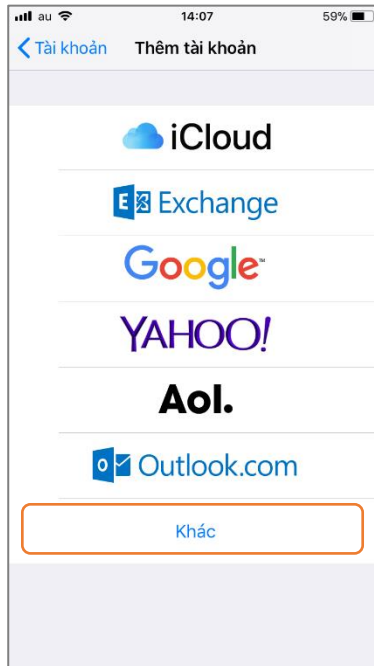
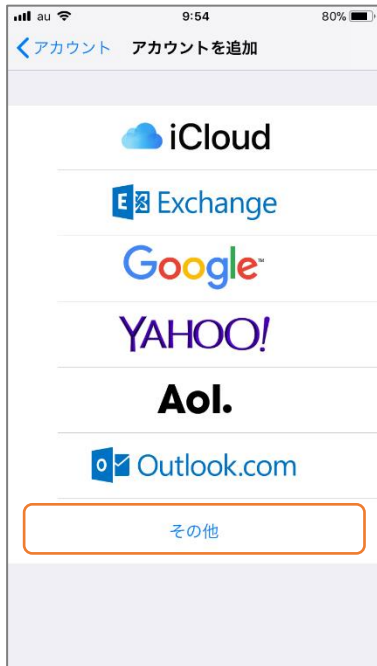
3. 「アカウントを追加」をクリックします。

3. Chọn “Thêm tài khoản”.



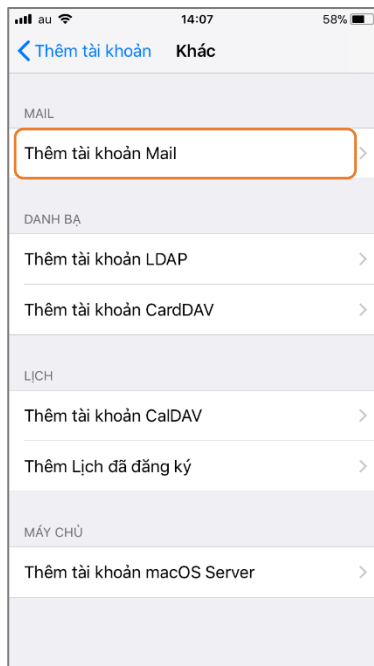
3. 「その他」をクリックします。

3. Chọn "Khác".



4. 「メールアカウントを追加」をクリックします。

4. Chọn "Thêm tài khoản Mail".



5. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

5. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

キャンセル 新規アカウント 保存

例 ["POP3"を選択]

IMAP POP

名前 [お名前]

メール [あなたのメールアドレス]

説明

受信メールサーバ

ホスト名 ["POPサーバー"参照]

ユーザ名 [あなたのメールアドレス]

パスワード

送信メールサーバ

ホスト名 ["SMTPサーバー"参照]

ユーザ名 [あなたのメールアドレス]

パスワード

Hủy Tài khoản mới Lưu

Thí dụ [Chọn "POP3"]

IMAP POP

Tên [Họ tên của bạn]

Email [Địa chỉ email của bạn]

Mô tả

MÁY CHỦ THƯ ĐẾN

Tên máy chủ [Nhập tên "POP server"]

Tên người dùng [Địa chỉ email của bạn]

Mật khẩu

MÁY CHỦ THƯ ĐI

Tên máy chủ [Nhập tên "SMTP server"]

Tên người dùng [Địa chỉ email của bạn]

Mật khẩu

6. 「保存」をクリックします。

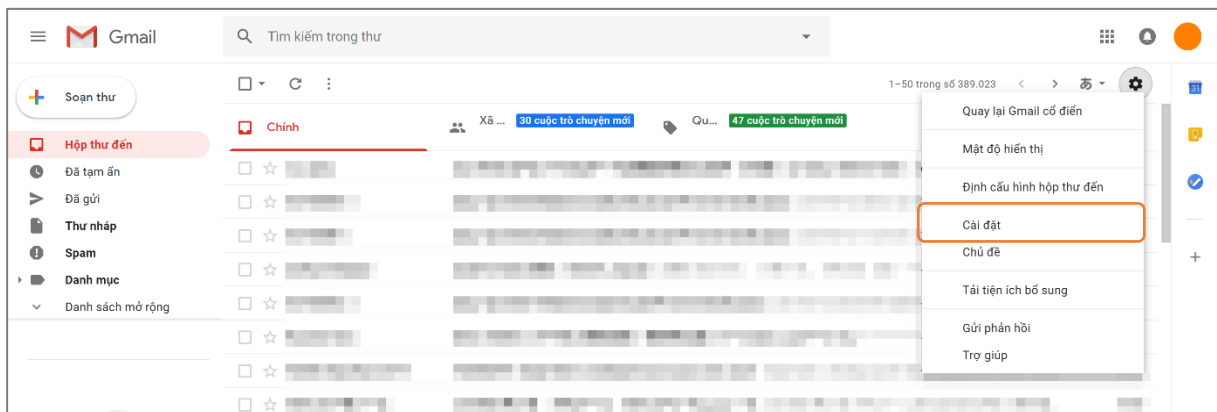
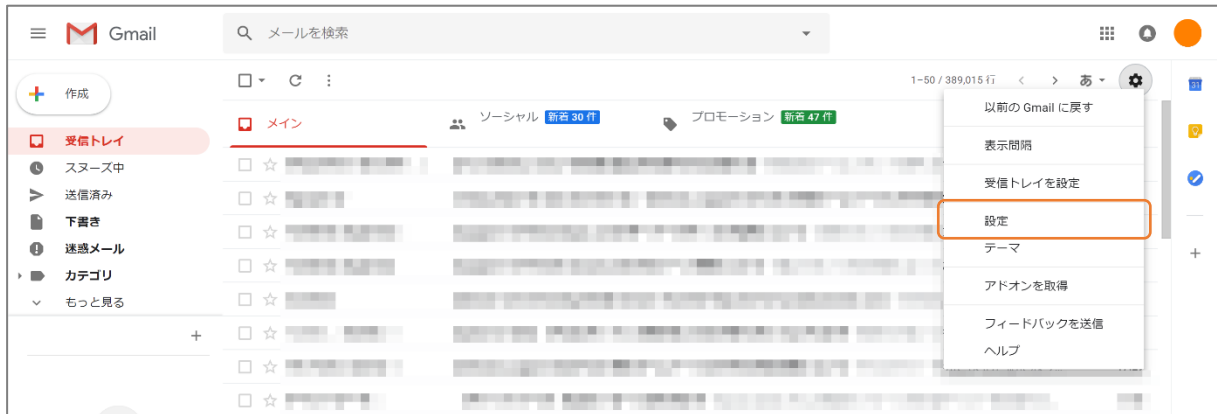
6. Chọn "Lưu".



# Gmail

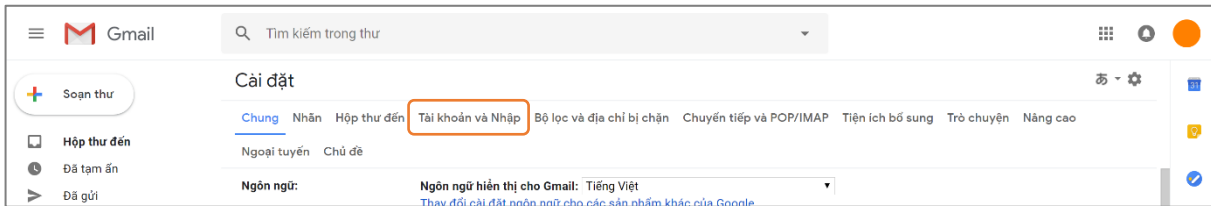
1. [設定]をクリックします。

1. Chọn "Cài đặt".



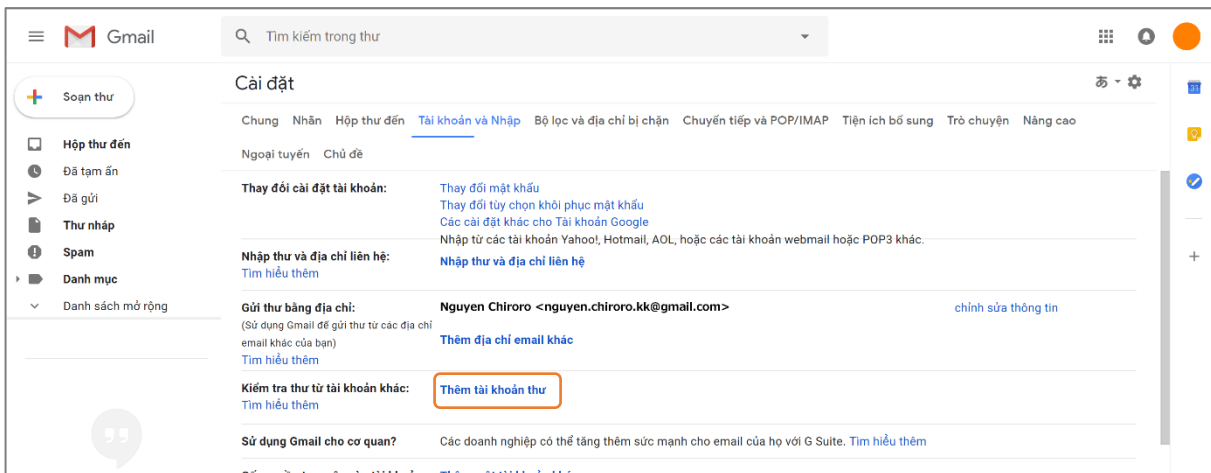
2. [アカウントとインポート]をクリックします。

2. Chọn "Tài khoản và Nhập".



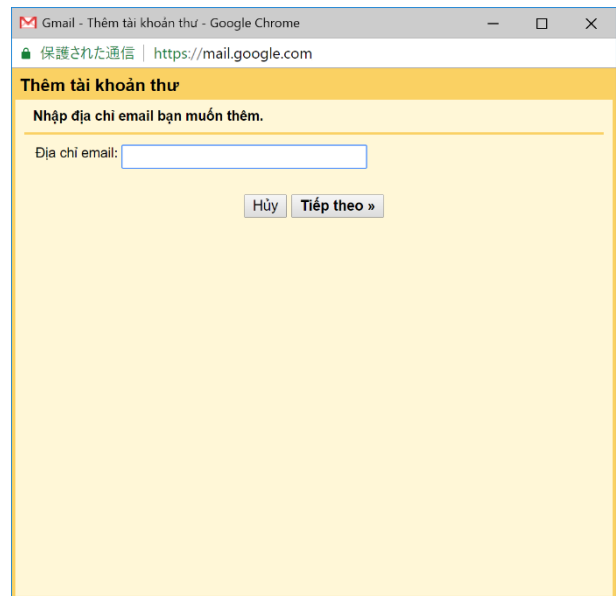
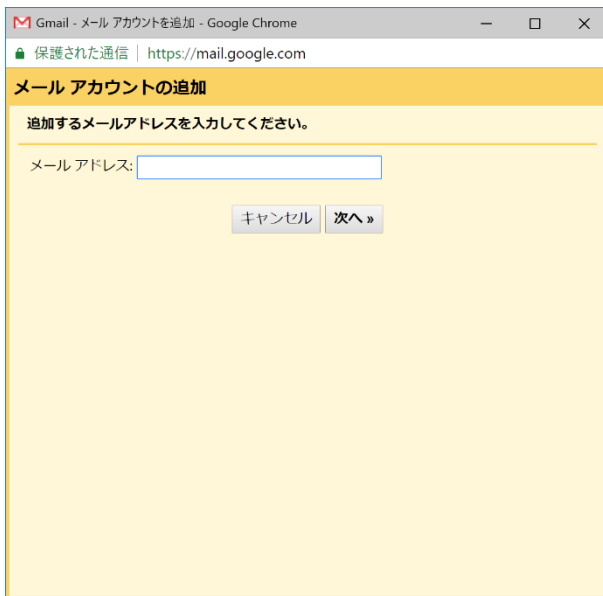
3. [他のアカウントでメールを確認]の[メールアカウントを追加する]をクリックします。

3. Chọn "Thêm tài khoản thư".



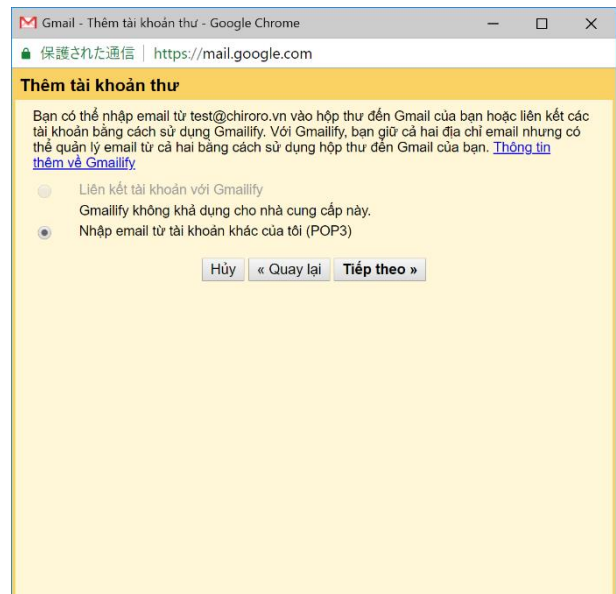
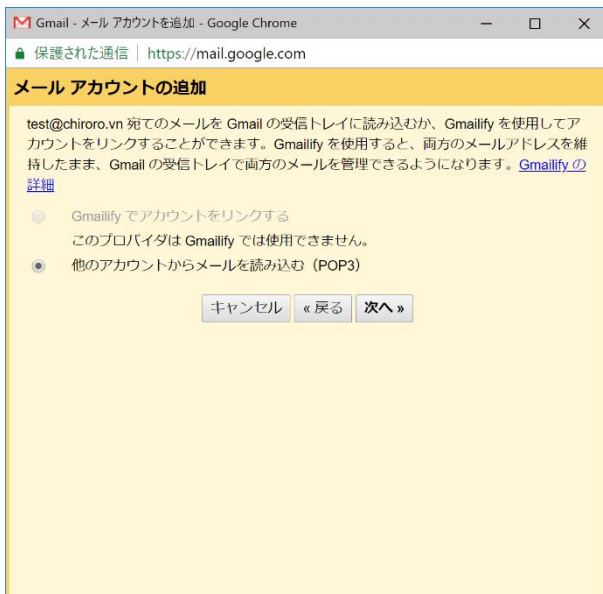
4. 「メールアドレス」を入力します。

4. Nhập "Địa chỉ email".



5. [次へ]をクリックします。

5. Chọn "Tiếp theo".



6. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

6. Nhập thông tin cài đặt email như sau;

管理者の方に「メールアカウント名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

The image shows two screenshots of the Gmail account setup process. The left screenshot is titled "Thêm tài khoản" (Add account) and shows the "Thêm tài khoản" (Add account) page. It includes fields for "Địa chỉ email" (Email address) set to test@chiroro.vn, "Tên người dùng" (Username) with a placeholder "[Địa chỉ email của bạn]", "Mật khẩu" (Password), and "Máy chủ POP" (POP server) with a placeholder "[Nhập tên 'POP server']". There are also checkboxes for "Lưu lại một bản sao thư được truy xuất trên máy chủ" (Save a copy of retrieved mail on the server), "Luôn sử dụng kết nối an toàn (SSL) khi truy xuất thư" (Always use secure connection (SSL) when retrieving mail), and "Dán nhãn các thư đến: test@chiroro.vn" (Label incoming mail: test@chiroro.vn). The right screenshot is titled "Thêm tài khoản thư" (Add email account) and shows the "Thêm tài khoản" (Add account) page. It includes fields for "Địa chỉ email" (Email address) set to test@chiroro.vn, "Tên người dùng" (Username) with a placeholder "[Địa chỉ email của bạn]", "Mật khẩu" (Password), and "Máy chủ POP" (POP server) with a placeholder "[Nhập tên 'POP server']". There are also checkboxes for "Lưu lại một bản sao thư được truy xuất trên máy chủ" (Save a copy of retrieved mail on the server), "Luôn sử dụng kết nối an toàn (SSL) khi truy xuất thư" (Always use secure connection (SSL) when retrieving mail), and "Dán nhãn các thư đến: test@chiroro.vn" (Label incoming mail: test@chiroro.vn).

注意：[取得したメッセージのコピーをサーバーに残す]をオンにされる場合、全てのメールがサーバー内に残り、契約ディスク容量を圧迫しますので、ご注意ください。容量オーバーになった際は、新しいメールはサーバーに届きません。

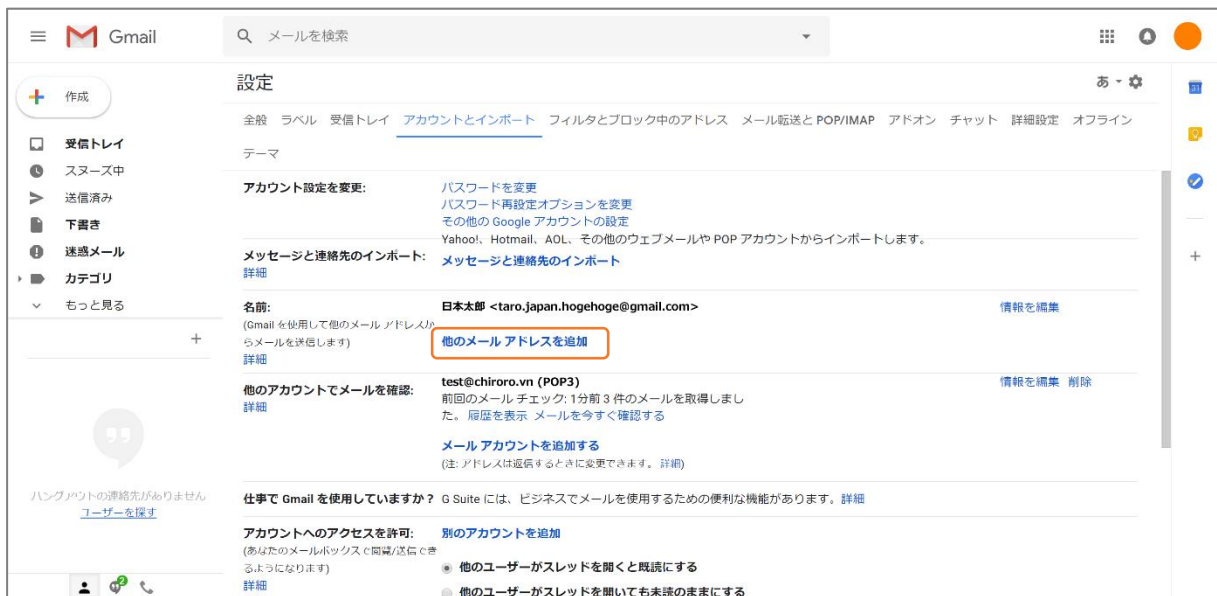
Chú ý: Nếu chọn vào ô "Lưu lại một bản sao thư được truy xuất trên máy chủ", tất cả thư sẽ được lưu trên máy chủ. Hộp thư sẽ bị đầy, bạn sẽ không thể nhận thêm thư mới. Vì vậy vui lòng cẩn thận khi lựa chọn.

7. 「アカウントを追加」をクリックします。

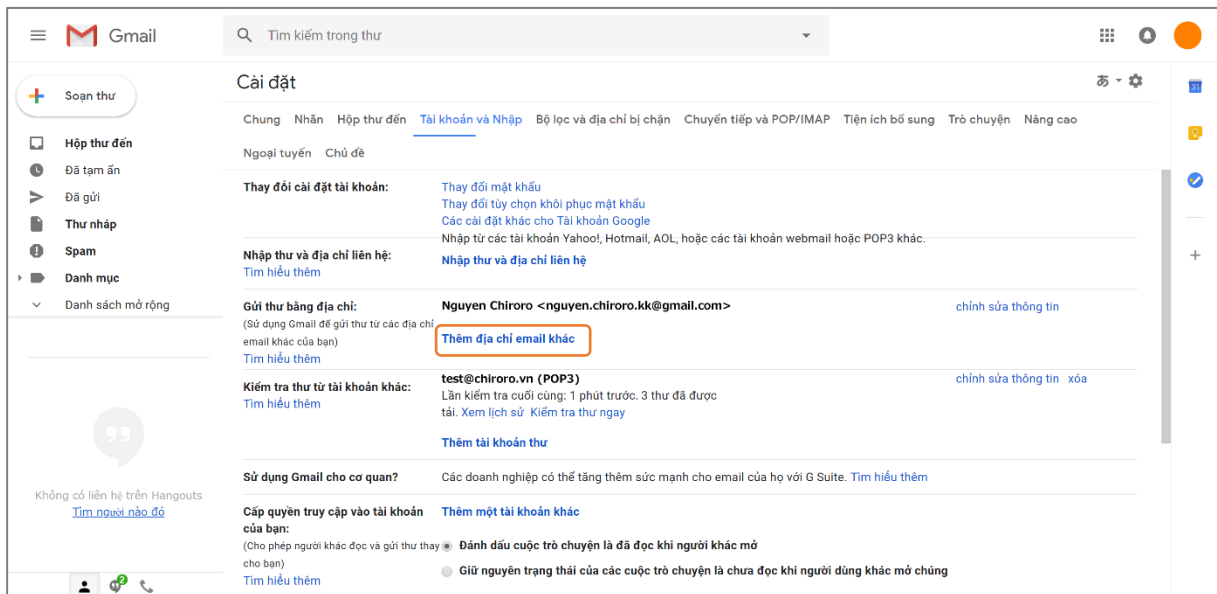
7. Chọn "Thêm tài khoản".

8. [名前]の[他のメールアドレスを追加]をクリックします。

8. Chọn "Thêm địa chỉ email khác".



The screenshot shows the Gmail 'Settings' page, specifically the 'Accounts and Import' tab. The left sidebar contains navigation options like 'Compose', 'Inbox', 'Drafts', 'Sent', 'Spam', and 'Categories'. The main content area is titled '設定' (Settings) and includes sections for 'Account settings', 'Import messages and contacts', and 'Name'. The 'Name' section shows the name '日本太郎 <taro.japan.hogehoge@gmail.com>' and a red box highlights the link '他のメールアドレスを追加' (Add other email address). Below this, there is a section for 'test@chiroro.vn (POP3)' with a red box highlighting the link '他のメールアドレスを追加する' (Add other email address).



The screenshot shows the Gmail 'Settings' page, specifically the 'Accounts and Import' tab. The left sidebar contains navigation options like 'Compose', 'Inbox', 'Drafts', 'Sent', 'Spam', and 'Categories'. The main content area is titled 'Cài đặt' (Settings) and includes sections for 'Account settings', 'Import messages and contacts', and 'Name'. The 'Name' section shows the name 'Nguyen Chiroro <nguyen.chiroro.kk@gmail.com>' and a red box highlights the link 'Thêm địa chỉ email khác' (Add other email address). Below this, there is a section for 'test@chiroro.vn (POP3)' with a red box highlighting the link 'Thêm tài khoản thư' (Add email account).

9. 「名前」と「メールアドレス」を入力します。

9. Nhập "Tên" và "Địa chỉ email".

The screenshot shows the Gmail interface for adding another email address. The title is "Thêm địa chỉ email khác mà bạn sở hữu". The main heading is "Nhập thông tin về địa chỉ email khác của bạn." Below this, there are input fields for "Tên:" (Name) with the value "Nguyen Chiroro" and "Địa chỉ email:" (Email address) with the value "test@chiroro.vn". There is a checked checkbox for "Xử lý như bí danh" (Treat as alias) and a link "Chỉ định một địa chỉ 'trả lời' khác" (Specify a different 'reply to' address). At the bottom, there are "Hủy" (Cancel) and "Bước tiếp theo »" (Next step) buttons.

The screenshot shows the Gmail interface for adding another email address. The title is "Thêm địa chỉ email khác mà bạn sở hữu". The main heading is "Nhập thông tin về địa chỉ email khác của bạn." Below this, there are input fields for "Tên:" (Name) with the value "日本太郎" and "Địa chỉ email:" (Email address) with the value "test@chiroro.vn". There is a checked checkbox for "Xử lý như bí danh" (Treat as alias) and a link "Chỉ định một địa chỉ 'trả lời' khác" (Specify a different 'reply to' address). At the bottom, there are "Hủy" (Cancel) and "Bước tiếp theo »" (Next step) buttons.

10. 以下の通りメール設定情報を入力してください。

10. Nhập thông tin cài đặt email như sau:

管理者の方に「メールアドレス名」「パスワード」「POP/SMTP サーバー名」をお聞きください。

Vui lòng hỏi quản trị viên của bạn về tài khoản thư (địa chỉ email), mật khẩu, tên máy chủ POP và SMTP.

The screenshot shows the Gmail interface for adding another email address. The title is "Thêm địa chỉ email khác mà bạn sở hữu". The main heading is "Nhập thông tin về địa chỉ email khác của bạn." Below this, there are input fields for "SMTP サーバー:" (SMTP server) with the value "[SMTPサーバー参照]", "ポート:" (Port) with the value "587", "ユーザー名:" (Username) with the value "[メールアドレス]", and "パスワード:" (Password) with the value "\*\*\*\*\*". There are radio buttons for "TLS" (selected) and "SSL". At the bottom, there are "キャンセル" (Cancel), "« 戻る" (Back), and "アカウントを追加 »" (Add account) buttons.

The screenshot shows the Gmail interface for adding another email address. The title is "Thêm địa chỉ email khác mà bạn sở hữu". The main heading is "Nhập thông tin về địa chỉ email khác của bạn." Below this, there are input fields for "Máy chủ SMTP:" (SMTP server) with the value "[Nhập tên 'SMTP server']", "Tên người dùng:" (Username) with the value "[Địa chỉ email của bạn]", and "Mật khẩu:" (Password) with the value "\*\*\*\*\*". There are radio buttons for "Kết nối an toàn sử dụng TLS" (selected) and "Kết nối an toàn sử dụng SSL". At the bottom, there are "Hủy" (Cancel), "« Quay lại" (Back), and "Thêm tài khoản »" (Add account) buttons.

11. [アカウントを追加]をクリックします。

11. Chọn "Thêm tài khoản".

12. Gmail から受信した確認メールを開きます。
12. Mở thư xác nhận bạn đã nhận từ Gmail.
13. 記載されているリンクをクリックします。
13. Nhấp vào liên kết.

